

Bản án số: 351/2025/HS-PT
Ngày: 22 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tân T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo Bò Như P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo có kháng cáo:

Bò Như P, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố A, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bò Văn P1 và bà Nguyễn Phi D; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: không;

Tiền án: năm 2012, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận A xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án số 152/2012/HSST ngày 06/7/2012 (chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự).

Nhân thân: năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bến Cát xử phạt 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án số 197/2016/HS-ST ngày 23/12/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2023 cho đến nay (bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P), (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Võ Tuấn A1 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bồ Như P không có nghề nghiệp ổn định, có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Để có tiền tiêu xài, từ năm 2021 đến năm 2023, P thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền của người quen trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua việc ký hợp đồng dịch vụ làm hồ sơ, thủ tục sang tên, tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ký hợp đồng đặt cọc, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất:

Ông Hữu Minh C là Giám đốc Công ty TNHH S, địa chỉ: Đ, thôn T, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 05/7/2021, ông C nhận chuyển nhượng thửa đất số 509, tờ bản đồ số 16, diện tích 5129,9m², tại xã Đ, huyện B, (thửa đất số 509) của bà Dương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1. Thông qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thu H, ông C liên hệ với Bồ Như P để làm thủ tục sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng trên thửa đất, lắp trạm điện để xây dựng xưởng. P giới thiệu có quan hệ rất thân thiết với các lãnh đạo của huyện B và tỉnh Bình Dương nên có thể thực hiện nhanh các thủ tục cho ông C. Tin tưởng thông tin do P cung cấp, từ ngày 05/7/2021 đến ngày 10/01/2022, ông C nhiều lần chuyển tiền cho P để làm giấy tờ, thủ tục sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, xin giấy phép xây dựng tổng cộng 797.160.000 đồng.

Ông C đại diện Công ty TNHH S ký hợp đồng ủy quyền cho P để làm thủ tục đăng ký, xây dựng trạm điện trên thửa đất số 509. P làm thủ tục đăng ký với Điện lực huyện B, ký hợp đồng với Công ty TNHH X và nộp 50.000.000 đồng để thi công công trình trạm điện trên thửa đất số 509. Đối với việc sang tên, chuyển mục đích quyền sử dụng đất, P không làm thủ tục, nộp hồ sơ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chiếm đoạt tiền của ông C, sử dụng tiêu xài.

Đến ngày 26/12/2021, P gửi cho ông C qua ứng dụng Zalo hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hữu Minh C, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/12/2021 đối với thửa đất số 509. P khai nhờ một người tên T2 (không rõ họ tên, địa chỉ) làm nghề môi giới bất động sản ở huyện B làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 509 tên Hữu Minh C là do T2 làm giao lại cho P, P chụp hình gửi cho ông C. P nói với ông C giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục xin giấy phép xây dựng. Sau đó, P thông báo với ông C đã làm xong

giấy phép xây dựng, ông C có thể xây dựng nhà xưởng trên đất. Ông C tin tưởng nên tiến hành xây nhà xưởng trên thửa đất số 509.

Ngày 15/01/2022, P nhờ một người đàn ông (chưa rõ thông tin lai lịch) đến xã Đ, huyện B giao cho ông Nguyễn Kim Đ1 (là em vợ của ông C) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hữu Minh C. Ông Đ1 giao lại cho ông C, ông C nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy giả nên ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đến xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác định tài liệu giả nên tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 159139, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để xác minh, làm rõ theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 197 ngày 18/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 159139 tên Hữu Minh C là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tổng cộng P nhận của ông C 797.160.000 đồng, P chỉ giao 50.000.000 đồng cho Công ty X để thực hiện xây dựng trạm điện, số tiền 747.160.000 đồng còn lại P chiếm đoạt.

- Vụ thứ hai:

Ông Đào Văn B có thửa đất số 157, tờ bản đồ số 50, tại ấp B, xã P, huyện P, Bình Dương. Ngày 13/4/2022, thông qua giới thiệu của ông Phạm Văn H2, ông B gặp Bồ Như P tại quán cà phê ở xã V, huyện P nhờ P làm thủ tục tách thửa đất số 157. P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông B nên ký với ông B hợp đồng dịch vụ để thỏa thuận làm thủ tục tách thửa với chi phí 396.000.000 đồng, ông B giao tiền cọc cho P 90.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ nhận khi hoàn thành thủ tục.

Sau khi nhận tiền của ông B, P không làm hồ sơ, thủ tục tách thửa cho ông B như thỏa thuận mà sử dụng tiêu xài. Để chiếm đoạt thêm tiền của ông B, ngày 09/6/2022 P hẹn gặp ông B tại quán C1, thuộc xã V, huyện P, P nói dối đã làm thủ tục tách thửa cho ông B và nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất hết 205.000.000 đồng, chờ ngày được cấp giấy. Đồng thời, P mở điện thoại cho ông B xem hình ảnh giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước tại Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện P ngày 07/6/2022, tên người nộp thuế Đào Văn B. P yêu cầu ông B giao thêm tiền, tin lời nói P là thật, từ ngày 10/6/2022 đến ngày 14/6/2022, ông B giao thêm cho P 200.000.000 đồng.

Đến ngày 10/7/2022, P giao ông B Quyết định số 00903/QĐUB ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phân lô, tách thửa đối với thửa của ông B. Sau đó, ông B nghi ngờ nên đi xác minh thì biết là quyết định giả, ông B nhiều lần yêu cầu P trả lại tiền. Đến tháng 9/2022, P trả lại cho ông B 160.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 130.000.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 103 ngày 10/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Quyết định số 00903/QĐUB ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh B về việc phân lô, tách thửa là giả được làm bằng phương pháp phun màu điện tử.

Theo Kết luận giám định số 2456 ngày 31/5/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng pháp lý ngày 13/4/2022 là của P ký, viết, in ra.

Bồ Như P khai nhờ Nguyễn Văn T3 làm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B làm thủ tục tách thửa cho ông B với chi phí khoảng hơn 200.000.000 đồng. Quyết định số 00903/QĐUB ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước là do Tâm giao cho P. Tuy nhiên, qua xác minh tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định không có ai tên Nguyễn Văn T3 làm việc tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B. Xác minh tại Ngân hàng N1 Chi nhánh P xác định không phát hành chứng từ nộp tiền ngày 07/6/2022, tên người nộp thuế Đào Văn B.

- Vụ thứ ba:

Ông An Văn H3 có thửa đất số 494, tờ bản đồ số 52, tại xã V, huyện P muốn tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất. Qua tìm hiểu ông H3 biết hiện cơ quan quản lý Nhà nước chưa cho phép việc tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất. Sau đó, ông H3 quen biết với Bồ Như P, P giới thiệu có quan hệ quen biết với cán bộ ở tỉnh Bình Dương, có thể làm được thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất cho ông H3. Ông H3 tin là thật nên từ ngày 03/5/2022 đến ngày 25/5/2022, giao cho P tổng cộng 163.000.000 đồng để thủ tục tách thửa và đóng tiền chuyển mục đích sử dụng đất. P chiếm đoạt tiền của ông H3 sử dụng tiêu xài.

Theo Kết luận giám định số 1590 ngày 29/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết tên Bồ Như P trên giấy nhận tiền của ông An Văn H3 ngày 03/5/2022 là do P ký, viết ra.

- Vụ thứ tư:

Khoảng tháng 6/2022, P nhận làm hồ sơ tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình K đối với thửa đất số 480, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P; thửa đất số 60, tờ bản đồ số 15, tại phường T, thành phố B; thửa đất số 191, tờ bản đồ số 24, tại xã T, huyện P (tách B thửa).

Ngày 24/6/2022, P đến nhà ông K ký hợp đồng dịch vụ pháp lý và nhận tiền cọc 105.000.000 đồng. Đến ngày 12/7/2022 và ngày 20/7/2022, P tiếp tục yêu cầu ông K đưa thêm 115.000.000 đồng để P làm sổ đất, ông K tưởng thật nên giao tiền cho P. Tuy nhiên, sau khi nhận tổng cộng 220.000.000 đồng của ông K thì P không sử dụng để làm hồ sơ tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất cho ông K theo thỏa thuận mà chiếm đoạt tiêu xài.

Theo Kết luận giám định số 1590 ngày 29/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 24/6/2022, giấy giao nhận tiền ngày 20/7/2022 là do P ký, viết, in ra.

- Vụ thứ năm:

Khoảng tháng 7/2022, P quen biết với ông Lê Xuân Đ2, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Đ2 thông qua việc nhận làm thủ tục tách thửa quyền sử dụng đất. Ngày 29/7/2022, P ký với ông Đ2 hợp đồng pháp lý làm thủ tục tách thửa đất số 636, tờ bản đồ số 20, tại xã L, huyện B với chi phí 175.000.000 đồng. Ông Đ2 chuyển cho P 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Ngày 03/8/2022, P tiếp tục ký với ông Đ2 hợp đồng pháp lý làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất số 1330 và 1331, cùng tờ bản đồ số 24, tại xã T, huyện B với tổng chi phí 816.000.000 đồng, ông Đ2 nhờ ông Lê Hoàng P2 chuyển cho P 480.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Sau khi nhận tiền, P không làm thủ tục để tách thửa cho ông Đ2, P gửi hình Quyết định về việc phân lô, tách thửa số 00409/QĐUB ngày 10/8/2022 đối với thửa đất số 636 cho ông Đ2 qua ứng dụng Zalo để ông Đ2 tin tưởng nhằm chiếm đoạt thêm tiền.

Ngày 16/8/2022, P tiếp tục ký với ông Đ2 hợp đồng pháp lý làm thủ tục tách thửa thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, tại xã H, huyện B với chi phí 60.000.000 đồng. Ông Đ2 chuyển cho P 50.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2. Đến ngày 23/8/2022, P tiếp tục gửi cho ông Đ2 hình Bản vẽ trích lục tổng thể có chỉnh lý (đã tách thành 05 thửa) đối với thửa đất 636. Tổng cộng P chiếm đoạt của ông Đ2 630.000.000 đồng, P sử dụng để tiêu xài.

P khai nhận nhờ Nguyễn Văn T3 làm thủ tục tách thửa cho ông Đ2. Quyết định về việc phân lô, tách thửa số 00409/QĐUB ngày 10/8/2022 và Bản vẽ trích lục tổng thể có chỉnh lý đối với thửa đất số 636 là do T3 đưa cho P, sau đó P chụp hình gửi cho ông Đ2.

Theo Kết luận giám định số 20 ngày 09/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 29/7/2022, ngày 03/8/2022, ngày 16/8/2022, giấy cam kết ngày 29/9/2022 là do P ký, viết và in ra.

- Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 7/2022, P nhận làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất và tách thửa cho ông Lê Hoàng P2 để chiếm đoạt tiền. Ngày 29/7/2022, P ký với ông P2 hợp đồng pháp lý đối với các thửa đất số 304, 305, 306, cùng tờ bản đồ số 30 tại xã M, huyện D để làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất với tổng chi phí 448.000.000 đồng. Ông P2 chuyển khoản cho P 210.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2. Đến ngày 30/7/2022, P đưa cho ông P2 giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đối với các thửa đất để thể hiện việc P đã nộp hồ sơ cho ông P2.

Ngày 04/8/2022, P ký với ông P2 hợp đồng pháp lý đối với thửa đất 750 để làm thủ tục tách thửa với chi phí là 60.000.000 đồng. Ông P2 đã chuyển cho P 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Ngày 05/8/2022, P gửi cho ông P2 hình ảnh Quyết định giả về việc phân lô tách thửa số 00819/QĐUB ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với các thửa đất số 304, 305, 306 theo hợp đồng để ông P2 tin tưởng. Ngày 11/8/2022, P tiếp tục ký với ông P2 hợp đồng pháp lý đối với thửa đất 394, tờ bản đồ số 5, tại xã A, huyện D để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất với chi phí 537.000.000 đồng. Ông P2 chuyển cho P 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Sau đó, P nói dối với ông P2 đã làm xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 304, 305, 306, đề nghị P2 chuyển thêm 203.000.000 đồng cho P đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 17/8/2022, ông P2 chuyển khoản cho P 203.000.000 đồng, cùng ngày P tiếp tục gửi ảnh chụp bản chính Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước qua Ngân hàng A3 - Chi nhánh P cho ông P2, thể hiện việc đã nộp 203.000.000 đồng đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất các thửa đất số 304, 305, 306. Thực tế, sau khi nhận 543.000.000 đồng của P2 thì P không sử dụng để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa mà sử dụng số tiền trên để tiêu xài.

Theo Kết luận giám định số 20 ngày 09/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 29/9/2022, ngày 04/8/2022, ngày 11/8/2022, giấy cam kết ngày 29/9/2022 là do P ký, viết và in ra.

P khai nhờ Nguyễn Văn T3 làm thủ tục tách thửa cho ông P2, các tài liệu giả gồm Quyết định về việc tách thửa, giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước là do T3 đưa cho P, P chụp hình gửi cho ông P2.

- Vụ thứ bảy:

Khoảng tháng 8/2022, P nhận làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho ông Nguyễn Phan Hải Đ3 để chiếm đoạt tiền. Ngày 16/8/2022, P ký với ông Đ3 hợp đồng pháp lý đối với thửa đất số 1564, tờ bản đồ số 22, tại xã P, thành phố B để chuyển mục đích sử dụng đất với chi phí 700.000.000 đồng. Ông Đ3 chuyển cho P 90.000.000 đồng vào số tài khoản 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Cùng ngày 16/8/2022, P thỏa thuận với ông Đ3 hồ sơ, thủ tục để được cấp giấy chứng nhận chấp thuận đầu tư khai thác than bùn, khoáng sản tại huyện L, tỉnh Bình Phước với chi phí 150.000.000 đồng. Đến ngày 24/8/2022, ông Đ3 chuyển cho P 150.000.000 đồng vào số tài khoản 0901943138 tại Ngân hàng A2.

Sau khi chiếm đoạt 240.000.000 đồng của ông Đ3, P sử dụng tiêu xài, không thực hiện làm hồ sơ, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận chấp thuận đầu tư khai thác than bùn, khoáng sản tại huyện L, tỉnh Bình Phước cho ông Đ3.

Theo Kết luận giám định số 20 ngày 09/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 16/8/2022 là do P ký, viết và in ra.

- Vụ thứ tám và chín:

Bồ Như P có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Phạm Quốc L và bà Nguyễn Thị Mộng T4. Từ ngày 17/6/2022 đến ngày 10/10/2022, P nhận làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa đôi với 03 thửa đất cho ông L, gồm: Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 11, tại thị trấn T, huyện B; thửa đất số 313, tờ bản đồ số 38, tại xã V, huyện P; thửa đất số 152, tờ bản đồ số 11, tại thị trấn T, huyện B. Ông L giao cho P tổng cộng 325.000.000 đồng, P chiếm đoạt sử dụng tiêu xài, không thực hiện việc chuyển mục đích, tách thửa cho ông L.

P nảy sinh ý định chiếm đoạt thêm tiền của vợ chồng ông L, bà T4 nên đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 30, tại xã M, huyện D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/7/2019 tên Bồ Như P. Ngày 01/10/2022, P đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bà T4 vay 60.000.000 đồng. Sau đó, ông L phát hiện giấy giả và yêu cầu P trả lại tiền. Ngày 29/3/2023, P trả lại cho bà T4 80.000.000 đồng (P cho thêm bà T4 20.000.000 đồng).

Theo Kết luận giám định số 229 ngày 19/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 30, tại xã M, huyện D tên Bồ Như P là giấy giả

Theo Kết luận giám định số 1590 ngày 29/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết tên Bồ Như P trên giấy biên nhận tiền của ông Phạm Quốc L ngày 17/6/2022, ngày 15/8/2022, ngày 27/9/2022, ngày 10/10/2022 và trên giấy cầm sổ cho bà Nguyễn Thị Mộng T4 là do P ký, viết ra.

- Vụ thứ mười:

Khoảng tháng 3/2023, P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác nên nhờ người tên V (không xác định lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS579397, thửa đất số 1619, tờ bản đồ số 28, tại khu phố A, phường T, thành phố B tên Bồ Như P, với giá 10.000.000 đồng. P gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông L để nhờ tìm người nhận chuyển nhượng.

Đến ngày 29/3/2023, ông L giới thiệu bà Nguyễn Thị Ánh T5 gặp P để thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. P và bà T5 gặp nhau tại quán C2, thành phố B, P đưa hình chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà T5 xem, P nói dối đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phòng T8, hẹn sẽ cung cấp cho bà T5 sau. Bà T5 tưởng thật nên đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất với giá 2.000.000.000 đồng, bà T5 đặt cọc cho P 500.000.000 đồng.

Đến ngày 31/3/2023, P đưa bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông L nhờ giao cho bà T5. Bà T5 nghi ngờ nên đi xác minh thì biết P dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, ông L đã thỏa thuận bồi thường cho bà T5 500.000.000 đồng. Hiện ông L yêu cầu P bồi hoàn lại 500.000.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 1590 ngày 29/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tên Bồ Như P trên hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2022 là do P ký, viết và in ra.

- Vụ thứ mười một:

Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 37, diện tích 9.889m², tại thị trấn L, huyện B do bà Nguyễn Thị B1 Một đứng tên quyền sử dụng. Ông Lê Văn T6 và ông Lê Đức T7 thỏa thuận góp tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất số 73 của bà M. Do ông T6 không có tiền nên thỏa thuận nhận đặt cọc 985.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn N để chuyển nhượng một phần thửa đất số 73. Ngày 31/10/2022, ông T6 đặt cọc cho bà M 1.000.000.000 đồng (gồm 985.000.000 đồng của ông N và 15.000.000 đồng của T6), bà M giao cho T6 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 73 để làm thủ tục tách thửa.

Do đang nợ ông T7 1.000.000.000 đồng nên ông T6 thỏa thuận cân trừ số tiền đặt cọc cho bà M để trừ nợ. Ngày 04/11/2022, ông T7 đặt cọc thêm cho bà M 1.000.000.000 đồng và yêu cầu bà M hủy hợp đồng đặt cọc đã ký với ông T6.

Sau khi được bà M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 73, ông T6 đem thế chấp cho ông Phạm Văn M1 lấy 300.000.000 đồng. Đồng thời, ông T6 liên hệ nhờ Bồ Như P làm thủ tục tách thửa đất số 73. Từ ngày 31/10/2022 đến ngày 01/3/2023, ông T6 đã 20 lần chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng MB số 0901943138 của P tổng cộng 277.300.000 đồng để làm chi phí cho P làm hồ sơ, thủ tục tách thửa. Tuy nhiên, P không làm thủ tục tách thửa mà chiếm đoạt số tiền này của ông T6 tiêu xài. Sau đó, P gửi cho T6 qua ứng dụng Zalo hình ảnh Quyết định số 78546/QĐUB ngày 28/10/2022 UBND tỉnh B về việc chấp thuận tách thành 20 thửa đối với thửa đất số 73, Bản đồ hiện trạng vị trí thửa đất hệ tọa độ VN-2000, tờ số 37, thửa đất số 73 (thể hiện sơ đồ phân thửa đất trên thành 20 lô), Bản trích lục bản đồ địa chính thửa đất 73 thể hiện đã tách thửa đất có diện tích 532 m² do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ký ngày 06/01/2023.

Hình ảnh các tài liệu giả của P được ông T6 chuyển tiếp cho ông Lê Đình H4, nói dối với ông H4 là ông T6 nhận chuyển nhượng thửa đất số 73 của bà M và đang làm thủ tục tách thửa, ông H4 tưởng thật nên thỏa thuận với ông T6 nhận chuyển nhượng một phần thửa đất diện tích 2.200 m² với giá 1.100.000.000 đồng. Ngày 23/11/2022, ông T6 ký với ông H4 hợp đồng đặt cọc và chiếm đoạt 190.000.000 đồng. Đến ngày 05/01/2023, ông T6 tiếp tục yêu cầu ông H4 đặt cọc thêm để đóng tiền chuyển mục đích sử dụng đất, chiếm đoạt 83.000.000 đồng. Hành vi của ông Lê Văn T6 lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông N, ông H4 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam để điều tra trong vụ án khác.

Bị cáo Bồ Như P đã thực hiện 11 vụ lừa đảo trên địa bàn tỉnh Bình Dương, chiếm đoạt tổng cộng 3.995.460.000 đồng của 11 người bị hại, gồm: Ông Hữu Minh C 747.160.000 đồng, ông Đào Văn B 290.000.000 đồng, ông An Văn H3 163.000.000 đồng, ông Nguyễn Đình K 220.000.000 đồng, ông Lê Xuân Đ2

630.000.000 đồng, ông Lê Hoàng P2 543.000.000 đồng, ông Nguyễn Phan Hải Đ3 240.000.000 đồng, ông Phạm Quốc L 325.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T4 60.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh T5 500.000.000 đồng, ông Lê Văn T6 277.300.000 đồng. P đã trả lại cho ông B 160.000.000 đồng, bà T4 60.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.775.460.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Bồ Như P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Bồ Như P 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2025, bị cáo Bồ Như P có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày kháng cáo yêu cầu xem xét hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe của bị cáo rất yếu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo hai tội với mức án 19 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Tuấn A1 trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ và xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo P trình bày: Xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Bồ Như P có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Bồ Như P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 7/2021 đến tháng 3/2023, để có tiền tiêu xài Bồ Như P đưa ra thông tin gian dối là nhận làm hồ sơ, thủ tục sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa cho các bị hại nhưng không thực hiện, sử dụng tài liệu giả lừa đảo chiếm đoạt tổng cộng 3.435.460.000 đồng; sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho bà Nguyễn Thị Mộng T4, nhận đặt cọc của bà Nguyễn Thị Ánh T5 chiếm đoạt tổng cộng 560.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo P chiếm đoạt của 11 bị hại với số tiền 3.995.460.000 đồng, đã trả lại cho ông B 160.000.000 đồng, bà T4 60.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.775.460.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ và xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Về nhận thức, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm; thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trả lại một phần tiền cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.2]. Về hình phạt:

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo P về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, đã xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo P có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy bị cáo P có sức khỏe rất yếu, để thể hiện tính khoan hồng,

nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.3]. Quan điểm của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

[2.4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.5]. Về án phí phúc thẩm hình sự: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Bồ Như P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bồ Như P; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Tuyên bố bị cáo Bồ Như P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

3. Về áp dụng điều luật và hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Bồ Như P 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2023.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bồ Như P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án DS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam số 02 CA. TP. HCM;
- Bị cáo (Trại TG tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt